

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN THỦY  
TỈNH HÒA BÌNH

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

V/v: Tranh chấp Ly hôn, nuôi con  
khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Thủy, ngày 10 tháng 7 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THỦY TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Thị Phi
- Ông Ngô Xuân Cải

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thu Hà – Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy tham gia phiên tòa:

Bà Đinh Thị Thu Huyền; Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2024/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 03 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 15/05/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 12/06/2024 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh **Bùi Văn B**, sinh năm 1998. (Có mặt)

Địa chỉ: **Xóm L, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình**

+ Bị đơn: Chị **Bùi Thị N**, sinh năm 1996. (Vắng mặt)

Địa chỉ: **Xóm L, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/03/2024 và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Bùi Văn B** trình bày:

- Về hôn nhân: Anh **Bùi Văn B** và chị **Bùi Thị N** tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau và thành hôn vào năm 2022 có tổ chức lễ cưới

theo phong tục tại địa phương, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/03/2022 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y. Sau khi kết hôn, chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn B về sinh sống tại xóm L, xã N, thời gian đầu sống chung với nhau hạnh phúc, khoảng một năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên vợ chồng bất hòa thường xuyên cãi nhau làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến từ đầu năm 2023 chị Bùi Thị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm C, xã V, huyện L sinh sống, hiện cả 02 ly thân nhau, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm lo lắng cho nhau. Nay anh Bùi Văn B xác định hôn nhân không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu ly hôn với chị Bùi Thị N.

-Về con chung: Anh Bùi Văn B và chị Bùi Thị N có 01 con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 27/09/2020, vợ chồng ly hôn anh Bùi Văn B yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy cháu K cho đến khi trưởng thành và chưa yêu cầu chị Bùi Thị N cấp dưỡng nuôi con chung.

-Quyền và nghĩa vụ tài sản: Anh Bùi Văn B xác định vợ chồng anh, chị không nợ gì của ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh, chị; không tranh chấp tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bị đơn chị Bùi Thị N: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có văn bản trả lời. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, vụ án không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại biên bản lấy lời khai của chị Bùi Thị L (Chị gái của chị Bùi Thị N) cho biết: Chị đã nhận được các giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng của Tòa án. Do chị N đi làm lao động tự do ở trong Miền nam không về được nên chị đã chụp ảnh lại các văn bản trên và gửi qua ứng dụng Zalo có số điện thoại 0961628664 cho chị Bùi Thị N và cho biết quan điểm, vợ chồng anh B chị N đã ly thân từ đầu năm 2023 và chị N chuyển về sinh sống tại xóm C, xã V, huyện L được một thời gian thì chị N đi miền nam để làm việc, nay vợ chồng mâu thuẫn thì đề nghị giải quyết dứt điểm để cả hai ly hôn. (BL21,22)

Xác minh Trưởng xóm L, xã N ông Hoàng Văn M cho biết: Vợ chồng anh Bùi Văn B và chị Bùi Thị N có hộ khẩu thường trú tại địa phương, từ năm 2023 thì chị N về nhà bố mẹ đẻ tại xóm C, xã V, huyện L sinh sống, khi đi thì không trình báo gì. Ban quản lý xóm không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn cũng như chưa nhận được yêu cầu hòa giải tại cơ sở của vợ chồng giữa anh B và chị N. (BL17)

Xác minh tại Chi hội phụ nữ xóm L, xã N được biết:

Thời gian từ năm 2023 đến nay anh Bùi Văn B và chị Bùi Thị N không chung sống cùng nhau, đầu năm 2023 chị N có chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại xóm C, xã V, huyện L để sinh sống, Chi hội phụ nữ cũng không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh B và chị N là gì.

Xác minh tại Công an xã V, huyện L được biết:

Chị Bùi Thị N có chị gái là chị Bùi Thị L hiện ở xóm C, xã V, huyện L, từ năm 2023 chị N chuyển về sinh sống cùng mẹ đẻ tại đây, chị N có cư trú tại địa phương nhưng không thường trú, hiện đang làm lao động tự do vẫn đi lại và ở tại xóm C, xã V, huyện L

Xác minh tại Công an xã N, huyện Y được biết:

Từ năm 2023 anh Bùi Văn B và chị Bùi Thị N không chung sống cùng nhau, chị N chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại xóm C, xã V để sinh sống, hiện chị N có hộ khẩu thường trú tại xóm L, xã N.

Ngày 12/06/2024 vụ án được đưa ra xét xử, nguyên đơn anh Bùi Văn B có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị Bùi Thị N vắng mặt nên phiên tòa phải hoãn lần thứ nhất. Hôm nay bị đơn chị Bùi Thị N vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, Hòa Bình phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cho anh Bùi Văn B được ly hôn chị Bùi Thị N. Về con chung: Giao 01 con chung là Bùi Minh K sinh ngày 27/09/2020 cho anh Bùi Văn B trực tiếp chăm sóc giáo dục, chị Bùi Thị N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Bùi Văn B.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Anh Bùi Văn B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng

tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*[1] Về tố tụng dân sự:*

Anh **Bùi Văn B** khởi kiện xin ly hôn với chị **Bùi Thị N**. Hiện chị **Bùi Thị N** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: **Xóm L, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình**. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 1, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị **Bùi Thị N**. Mặc dù biết việc triệu tập nhưng chị **Bùi Thị N** không tới Tòa án để giải quyết, cố tình trốn tránh. Theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự: Đương sự phải có nghĩa vụ tôn trọng Tòa án, phải có mặt theo giấy triệu tập và chấp hành quyết định của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Như vậy, chị **Bùi Thị N** đã từ bỏ quyền lợi của mình về việc được nêu quan điểm, ý kiến và cung cấp chứng cứ chứng minh. Theo Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa chỉ căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp cũng như các tài liệu mà Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Về sự có mặt của đương sự, Tòa án đã triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn chị **Bùi Thị N** vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

*[2] Về quan hệ hôn nhân:*

Anh **Bùi Văn B** và chị **Bùi Thị N** tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, không ai ép buộc việc kết hôn và thành hôn vào năm 2022 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/03/2022 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y. Sau khi kết hôn, anh **Bùi Văn B** và chị **Bùi Thị N** sống chung với nhau hạnh phúc đến khoảng thời gian năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói

chung nên vợ chồng bất hòa làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến cả 02 ly thân nhau từ năm 2023 cho đến nay, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm lo lắng cho nhau. Căn cứ vào lời khai của đương sự và kết quả xác minh, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa anh **Bùi Văn B** và chị **Bùi Thị N** đã căng thẳng, kéo dài, cả hai đã sống ly thân mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh **Bùi Văn B**

*[3] Về con chung:*

Quá trình chung sống anh **Bùi Văn B** và chị **Bùi Thị N** có 01 con chung là cháu **Bùi Minh K** sinh ngày 27/09/2020. Xét yêu cầu của anh **Bùi Văn B**:

Anh **B** rất thiết tha được nuôi con, cháu **K** ở với anh **B** đã nhiều năm nay, công việc của anh **B** là công nhân có thu nhập và có chỗ ở ổn định, chị **N** bỏ nhà đi và hiện giờ đang lao động tự do, không có chỗ ở ổn định, không quan tâm chăm sóc đến con, không có ý kiến để Hội đồng xét xử xem xét vì vậy để bảo vệ quyền lợi trẻ em theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng xét xử áp dụng điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 Luật Hôn nhân xử giao cháu cháu **Bùi Minh K** cho anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung anh **B** chưa yêu cầu chị **N** đóng góp cấp dưỡng nên chị **N** chưa phải đóng góp.

*[4] Về tài sản chung và nợ chung:*

Đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*[5] Về án phí:* Anh **Bùi Văn B** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*[6] Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, điều 57, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Bùi Văn B** được ly hôn với chị **Bùi Thị N**
2. Về con chung: Giao con chung là cháu **Bùi Minh K**, sinh ngày 27/09/2020 cho anh **Bùi Văn B** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục, chị **Bùi Thị N** có quyền đi lại thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Chị **Bùi Thị N** chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh **Bùi Văn B**.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của người không trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và công nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí:* Anh **Bùi Văn B** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh **Bùi Văn B** đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình theo biên lai số 0001565, ngày 21/03/2024. Xác nhận anh **Bùi Văn B** đã nộp đủ án phí.

*Về quyền kháng cáo:* Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án anh **Bùi Văn B** có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình. Chị **Bùi Thị N** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TOÀ**
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Yên Thủy;
- Chi cục THADS huyện Yên Thủy;
- UBND xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy;
- UBND xã Vũ Bình, huyện Lạc Sơn

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN**

- Lưu HSVA.

**Lê Trung Nghĩa**